BẢN CÁ NHẬN TỰ KHAI TIÊU CHUẨN XÉT THĂNG HẠNG

**BIÊN TẬP VIÊN CHÍNH**

**Mã số: V.11.01.02**

**Họ tên:** ......................................................................................................................

**Chức vụ/chức danh công tác:** .................................................................................

**Đơn vị:**.....................................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Phần 1: Tiêu chuẩn điểm chuẩn** | **Cá nhân tự khai** | **Thẩm định** |
| 1 | Tốt nghiệp đại học trở lên |  |  |
| 2 | - Bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị hoặc trung cấp lý luận chính trị - hành chính; - Bằng tốt nghiệp cử nhân chính trị trở lên;- Có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị. |  |  |
| 3 | - Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số [01/2014/TT-BGDĐT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=01/2014/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. - Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B cấp trước ngày 16-3-2014- Vận dụng đủ điều kiện ngoại ngữ nếu Bằng Thạc sĩ tốt nghiệp từ 15/4/2011trở lại đây;- Bằng tốt nghiệp đại học ở nước ngoài;- Bằng tốt nghiệp đại học Ngoại ngữ chuyên ngành; |  |  |
| 4 | - Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số [03/2014/TT-BTTTT](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=03/2014/TT-BTTTT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.- Chứng chỉ tin học văn phòng cấp trước ngày 28-4-2014 |  |  |
| 5 | - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chức danh Biên tập viên chính (hạng II) do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc ủy quyền cấp - Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính - Bằng Cao cấp lý luận chính trị - hành chính - Bằng Cử nhân hành chính trở lên.-Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, phải có thêm chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng, mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội |  |  |
| 6 | Chủ trì, đề xuất biên tập, viết, tổ chức thực hiện ít nhất 03 (ba) tác phẩm; vệt tác phẩm tuyên truyền có giá trị thực tiễn, tổng kết thực tiễn được Ban Biên tập đánh giá tốt trong thời gian giữ ngạch biên tập viên hoặc chủ trì, tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được cấp có thẩm quyền nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên |  |  |
| 7 | Thời gian công tác giữ chức danh biên tập viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 (chín) năm. Trong đó, thời gian gần nhất giữ chức danh biên tập viên (hạng III) tối thiểu đủ 03 (ba) năm. (**Tính đến ngày 31/5/2020)** |  |  |
| 8 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 3 năm liên tục gần nhất tính đến thời điểm dự xét tuyển; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian kỷ luật hoặc đang trong thời gian cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật. |  |  |
| **STT** | **Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng** |  |  |
| 1 | Tiến sĩ chuyên ngành báo chí, xuất bản và các ngành khoa học xã hội (Tiến sĩ chuyên ngành khác 2 điểm) |  |  |
| 2 | Thạc sĩ chuyên ngành báo chí, xuất bản và các ngành khoa học xã hội hoặc có từ hai bằng đại học trở lên(Thạc sĩ chuyên ngành khác 1 điểm) |  |  |
| 3 | Tốt nghiệp đại học chuyên ngành báo chí, xuất bản và các ngành khoa học xã hội |  |  |
| 4 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức an ninh, quốc phòng, tự vệ hoặc chứng chỉ bồi dưỡng công tác đảng, đoàn thể |  |  |
| 5 | Huân chương Lao động |  |  |
| 6 | Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp báo chí/xuất bản Việt Nam hoặc Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp báo chí/xuất bản của bộ ngành, đoàn thể, địa phương (từ cấp tỉnh trở lên) |  |  |
| 7 | Danh hiệu vinh dự Nhà nước |  |  |
| 8 | Giải thưởng Hồ Chí Minh |  |  |
| 9 | Giải thưởng Nhà nước |  |  |
| 10 | Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ |  |  |
| 11 | Bằng khen cấp Bộ, cấp tỉnh |  |  |
| 12 | Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh |  |  |
| 13 | Chiến sĩ thi đua cơ sở  |  |  |
| 14 | Có tác phẩm được giải báo chí quốc gia hoặc Bằng khen của Hội Nhà báo Việt Nam hoặc Giải thưởng sách Việt Nam hoặc Bằng khen của Hội Xuất bản Việt Nam  |  |  |
| 15 | Có tác phẩm được giải hoặc bằng khen của Liên Chi hội nhà báo/xuất bản bộ ngành, địa phương (từ cấp tỉnh trở lên) |  |  |
| 16 | Thời gian giữ chức danh biên tập viên hoặc tương đương từ 12 năm trở lên  |  |  |
| 17 | Viên chức tính đến ngày 31-12 của năm xét thăng hạng có tuổi từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên với nữ |  |  |
| 18 | Đã được cử đi công tác ở cơ sở, đi làm phóng viên thường trú hoặc biệt phái dài hạn tại các địa phương trong nước hoặc cơ quan thường trú tại nước ngoài hoặc công tác ở miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn từ 03 năm trở lên |  |  |

**Người thẩm định, kiểm tra Người khai**

 *(ký và ghi rõ họ tên) (ký và ghi rõ họ tên)*

**GHI CHÚ:**

Cá nhân chỉ điền vào cột **Cá nhân tự khai**, cách ghi như sau:

**- Phần 1**: Mục (2) Ghi rõ: Bằng TCLLCT hay TCLLCT-HC hay Giấy xác nhận tương đương trung cấp...

 Mục (3), (4), (5) ghi rõ chứng chỉ (bằng) gì: chứng chỉ bồi dưỡng biên tập viên chính, chứng chỉ QLNN ngạch CVC hay bằng cử nhân hành chính, Chứng chỉ Anh B, Chứng chỉ Tin học văn phòng...

Mục (6) ghi rõ số lượng: 03 tác phẩm, 01 đề tài cấp cơ sở...

 Mục (7) ghi rõ thời gian: 10 năm 2 tháng...

**- Phần 2:** Tiêu chí điểm cộng mục nào cá nhân có thì khai, không có thì không cần kê khai. Ví dụ: điểm cộng cá nhân chỉ có Huân chương Lao động và Chiến sĩ thi đua cơ sở, cách ghi như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Phần 2: Tiêu chuẩn điểm cộng |  |  |
| 1 | Huân chương Lao động | Có |  |
| 2 | Chiến sĩ thi đua cơ sở | Có  |  |

Riêng mục (1), (2) ghi rõ chuyên ngành: TS Luật, TS Kinh tế....

**- Phần thẩm định, kiểm tra:** Bỏ trống không ghi.